TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2024/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2024
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp về thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Hùng L, sinh năm 1933, địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Công T, sinh năm 1959, địa chỉ: Đội T, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1957, địa chỉ: Xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1961, địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

+ Ông Phạm Văn C, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

+ Ông Phạm Văn P, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Ông Phạm Văn H, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

+ Bà Phạm Thị D, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn G, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

+ Ông Trần Văn K, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn G, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

+ Anh Trần Văn T3, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn G, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

+ Anh Trần Văn C1, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn G, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

+ Chị Trần Thị V, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn G, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Phạm Hùng L và người đại diện theo ủy quyền, thống nhất trình bày:

Cụ L và cụ Lại Thị T4 có quan hệ là vợ chồng, cụ T4 đã chết vào năm 2021. Qúa trình chung sống, cụ L và cụ T4 có 09 người con, gồm: Phạm Thị T1, Phạm Công T, Phạm Thị T2, Phạm Văn C, Phạm Văn P, Phạm Thị V1, Phạm Thị L1, Phạm Thị D và Phạm Văn H; hai cụ không có con nuôi, không có con riêng. Trong số 09 người con, thì có con gái là bà Phạm Thị V1, đã chết năm 2022; 08 người con còn lại đều đang còn sống. Bà V1 trước khi chết, có chồng là Trần Văn K và 03 người con là Trần Văn T3, Trần Văn C1 và Trần Thị V, đều đang còn sống.

Qúa trình chung sống, cụ L và cụ T4 có tạo lập được tài sản là thửa đất tại thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nguồn gốc thửa đất là do hai cụ được nhà nước giao quyền sử dụng đất theo quy định. Trong quá trình sử dụng đất, vào năm 2014 cụ L, cụ T4 đã làm giấy tờ tách thửa cho 02 con trai là Phạm Văn P và Phạm Văn H mỗi người 1 thửa đất; Hiện cụ L và cụ T4 còn có tài sản chung là diện tích đất 390m^2 tại thửa đất số 404, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/12/2014. Thửa đất trên cụ L đang quản lý, hiện trạng không có xây dựng công trình và tài sản trên đất. Hiện tại cụ L đang sinh sống cung con trai út là Phạm Văn H. Nay cụ L tuổi cao, muốn bán thửa đất để lấy tiền trang trải sinh hoạt, thì

phát sinh mâu thuẫn do con trai là Phạm Công T không đồng ý. Do trong gia đình không thỏa thuận được về việc giải quyết phần di sản của cụ T4. Vì vậy, ông L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế phần di sản của cụ Lại Thị T4 để lại nằm trong tổng số diện tích đất 390m^2 là tài sản chung của vợ chồng (cụ L và cụ T4) thuộc thửa đất số 404, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện T.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Phạm Công T trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Phạm Hùng L và cụ Lại Thị T4. Bố mẹ có sinh được 09 người con gồm: Phạm Thị T1, Phạm Công T, Phạm Thị T2, Phạm Văn C, Phạm Văn P, Phạm Thị V1, Phạm Thị L1, Phạm Thị D và Phạm Văn H; Bố mẹ không có con nuôi, không có con riêng. Trong gia đình, thì có mẹ (cụ T4) đã chết năm 2021; em gái (Phạm Thị V1) chết năm 2022; Hiện tại bố (cụ L) và các anh chị em còn lại đều đang còn sống. Trong quá trình chung sống, bố mẹ có 1 thửa đất ở thôn G, xã Q, diện tích khoảng 2.109m^2. Đến năm 2014 thì bố mẹ có tách thửa cho 02 em là Phạm Văn P và Phạm Văn H mỗi người 1 thửa còn lại 1 thửa với diện tích đất 390m^2 kê khai đứng tên bố mẹ là Phạm Hùng L, Lại Thị T4. Thời điểm bố mẹ còn sống, bố mẹ có hứa phần diện tích đất còn lại 390m^2 sau này cho ông (Phạm Công T) là con trai trưởng và em trai Phạm Văn C. Nhưng sau khi mẹ (cụ T4) chết năm 2021, không để lại di chúc, thì bố (cụ L) lại thay đổi quan điểm, nói là bán thửa đất cho ông và ông C mỗi người 1 phần với giá là 200.000.000đ, bố cho lại mỗi người 100.000.000đ. Nhưng sau đó bố lại nói là bán cho em gái Phạm Thị T2, nhưng không hề nói gì với ông, cũng không đưa lại cho ông 100.000.000đ theo như đã hứa, nên ông mới không thống nhất và không đồng ý cho bố bán đất. Nay ông không rõ lý do gì bố (cụ L) lại khởi kiện, quan điểm của ông là không đồng ý chia thừa kế phần di sản của mẹ (cụ T4) mà để lại thửa đất làm nơi thờ cúng. Tại phiên tòa ông T có ý kiến xác nhận, bà V1 trước khi chết, có chồng là Trần Văn K và 03 người con là Trần Văn T3, Trần Văn C1 và Trần Thị V. Quan điểm ông T là việc giải quyết chia thừa kế không liên quan đến quyền lợi của chồng và con bà V1, do bà V1 đã chết.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà: Phạm Thị T1, Phạm Thị T2, Phạm Văn C, Phạm Văn P, Phạm Thị L1 và Phạm Văn H thống nhất trình bày:

Các ông bà thống nhất với ý kiến của cụ L về việc xác định bố mẹ là cụ Phạm Hùng L và cụ Lại Thị T4 có 09 người con gồm: Phạm Thị T1, Phạm Công T, Phạm Thị T2, Phạm Văn C, Phạm Văn P, Phạm Thị V1, Phạm Thị L1, Phạm Thị D và Phạm Văn H; Bố mẹ không có con nuôi, không có con riêng. Trong gia đình, thì có mẹ (cụ T4) đã chết năm 2021; Bà Phạm Thị V1 chết năm 2022; Bà V1 trước khi chết, có chồng là Trần Văn K và 03 người con là Trần Văn T3, Trần Văn C1 và Trần Thị V, đều đang còn sống.

Qúa trình chung sống, hiện tại bố mẹ (cụ L, cụ T4) có tài sản chung là diện tích đất 390m^2 thuộc thửa đất số 404, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đứng tên bố mẹ là Phạm Hùng L và Lại Thị T4. Năm 2021 mẹ (cụ T4) chết không để lại

di chúc. Hiện tại bố (cụ L) đang sinh sống cùng con trai út là Phạm Văn H. Sau khi mẹ chết, thì bố (cụ L) có nguyện vọng bán thửa đất để lấy tiền bố trang trải sinh hoạt, các ông bà đều đồng ý, tuy nhiên có ông T không đồng ý, nên không thống nhất được theo nguyện vọng của bố. Nay bố (cụ L) khởi kiện chia di sản của mẹ (cụ T4), quan điểm các ông bà là đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết phân chia phần di sản của cụ T4 theo quy định của pháp luật. Quan điểm của các ông bà (gồm: Phạm Thị T1, Phạm Thị T2, Phạm Văn P, Phạm Thị L1 và Phạm Văn H) là phần đất các ông, bà được hưởng thừa kế của mẹ, các ông bà xin được tặng cho lại ông Phạm Văn C được quyền sử dụng. Quan điểm ông C là xin được chia phần di sản bằng quyền sử dụng đất để ông lấy nơi ở sinh hoạt, vì gia đình ông có nhu cầu sử dụng đất và ông cũng được các anh em trong gia đình cho lại phần đất được hưởng thừa kế.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị D, trình bày thể hiện:

Quan điểm của bà D là Phần thừa kế bà được hưởng thừa kế di sản của mẹ (cụ Lại Thị T4), bà thống nhất cho anh trai là Phạm Văn C đượng hưởng sử dụng. Ngoài ra bà D không có ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn K và các anh, chị Trần Văn T3, Trần Văn C1, Trần Thị V trình bày thể hiện:

Bà Phạm Thị V1 (là vợ, mẹ của chúng tôi) bị bệnh hiểm nghèo, đã chết vào năm 2022. Quan điểm của ông K và các anh, chị T3, C1, V là thống nhất phần thừa kế bà V1 được hưởng thừa kế của cụ Lại Thị T4 (là mẹ đẻ của bà V1), cho ông Phạm Văn C được hưởng sử dụng, vì khi còn sống bà V1 có nói là phần thừa kế bà V1 được hưởng, thì bà V1 cho anh trai Phạm Văn C sử dụng.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản lập ngày 11/01/2024 và kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất, tài sản trên đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, xác định:

- Thửa đất số 404, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/12/2014. Diện tích được cấp giấy chứng nhận 359m^2, mục đích sử dụng: Đều là đất ở tại nông thôn. Về nguồn gốc thửa đất: Được nhà nước giao đất theo quy định.

- Hiện trạng sử dụng thửa đất: Không có công trình xây dựng trên đất, không có trồng cây cối, hoa màu.

- Giá đất là 1.500.000đ/m^2.

- Diện tích thực tế thửa đất 359m^2, đúng với hồ sơ địa chính.

- Vị trí thửa đất:

+ Phía Bắc giáp thửa 380a: 36,09m;

+ Phía Nam giáp thửa 404b: 36,09m;

+ Phía Đông giáp thửa 404b: 10,3m;

+ Phía Tây giáp đường nhựa: 10,02m.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán cơ bản đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên có vi phạm là chậm ra Thông báo thụ lý vụ án và chậm giao thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 611, 612, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 33, 65, 66 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 98, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hùng L về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lại Thị T4.

Xác định thửa đất số 404, tờ bản đồ số 29, diện tích 359m^2, địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa là tài sản chung của cụ Phạm Hùng L và cụ Lại Thị T4. Trong đó: Cụ L được sở hữu ½ diện tích đất, tương đương 179,5m^2.

2. Xác định ½ diện tích thửa đất số 404, tờ bản đồ số 29, địa chỉ tại: Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa là di sản thừa kế của cụ Lại Thị T4, tương đương diện tích 179,5m^2.

3. Phần di sản thừa kế của cụ Lại Thị T4 được chia đều cho 10 thừa kế gồm: Cụ Phạm Hùng L và các ông (bà): Phạm Thị T1, Phạm Công T, Phạm Thị T2, Phạm Văn C, Phạm Văn P, Phạm Thị V1, Phạm Thị L1, Phạm Thị D và Phạm Văn

H. Như vậy mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng diện tích đất 17,95m^2, trị giá 26.925.000 đồng.

- Ông Phạm Hùng L là người đang quản lý thửa đất có trách nhiệm giao phần đất đang quản lý cho các thừa kế được phân chia di sản cụ cụ Lại Thị T4, cụ thể: Giao cho ông Phạm Văn C được quyền sử dụng diện tích đất 179,5m^2, trị giá 269.250.000 đồng.

- Ông Phạm Văn C có trách nhiệm phải thanh toán lại cho ông Phạm Công T số tiền là 26.925.000 đồng.

4. Ông Phạm Hùng L và ông Phạm Văn C có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Hùng L, ông Phạm Công T và ông Phạm Văn C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "tranh chấp về thừa kế tài sản". Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Phạm Hùng L vắng mặt, nhưng có đơn đề nghi xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (gồm: Bà Phạm Thị T1, Bà Phạm Thị T2, Ông Phạm Văn P, Bà Phạm Thị L1, Bà Phạm Thị D, Ông Trần Văn K, Anh Trần Văn T3, Anh Trần Văn C1, Chị Trần Thị V) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về thời hiệu: Cụ Lại Thị T4, chết năm 2021, đến ngày 28/6/2023 ông Phạm Hùng L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T4. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Vì vậy xác định thời hiệu yêu cầu phân chia di sản thừa kế vẫn còn và các đồng thừa kế vẫn có quyền yêu cầu phân chia di sản thừa kế.

[4] Xét về hàng thừa kế của cụ Lại Thị T4: Các đương sự đều thừa nhận cụ Lại Thị T4 và chồng là cụ Phạm Hùng L có 09 người con gồm: Phạm Thị T1, Phạm Công T, Phạm Thị T2, Phạm Văn C, Phạm Văn P, Phạm Thị V1, Phạm Thị L1, Phạm Thị D và Phạm Văn H. Cụ T4 và cụ L không có con nuôi, không có con

riêng nào; Cụ T4 chết năm 2021; năm 2022 con gái cụ T4 là bà Phạm Thị V1 chết. Hiện tại cụ L và 08 người con gồm Phạm Thị T1, Phạm Công T, Phạm Thị T2, Phạm Văn C, Phạm Văn P, Phạm Thị L1, Phạm Thị D và Phạm Văn H là đang còn sống. Trước khi chết bà Phạm Thị V1 có chồng là Trần Văn K và 03 người con gồm: Trần Văn T3, Trần Văn C1 và Trần Thị V (đều đang còn sống). Như vậy, xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ T4 có 10 người, gồm: Cụ L và 09 người con, gồm các ông (bà): Phạm Thị T1, Phạm Công T, Phạm Thị T2, Phạm Văn C, Phạm Văn P, Phạm Thị V1, Phạm Thị L1, Phạm Thị D và Phạm Văn H. Do bà V1 chết năm 2022, là chết sau cụ T4, nên cụ L (là bố bà V1), ông K (là chồng) và các con gồm anh T3, anh C1 và chị V được hưởng kỷ phần thừa kế của bà V1 được hưởng từ cụ T4.

[5] Về nội dung vụ án: Cụ Phạm Hùng L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế phần di sản của cụ Lại Thi T5, nằm trong khối tài sản chung với cụ L, là phần diện tích đất của cụ T5 nằm trong trong tổng diện tích đất 359m^2 tại thửa đất số 404, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mang tên Hộ ông Phạm Hùng L và bà Lại Thị T4 theo quy định của pháp luật.

[6] Về yêu cầu chia thừa kế:

[6.1] Trong quá trình chung sống, ngày 18/12/2014 cụ Phạm Hùng L và cụ Lại Thị T4 đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 359m^2, tại thửa đất số 404, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đứng tên Hộ ông Phạm Hùng L và bà Lại Thị T4. Xét Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ ghi tên ông Phạm Hùng L và bà Lại Thị T4, ngoài ra không ghi tên ai khác; quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều có ý kiến xác định diện tích đất 359m^2, tại thửa đất số 404, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện T là tài sản chung của cụ L và cụ T4. Do đó, có cơ sở xác định: Diện tích đất 359m^2 tại thửa đất số 404, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa là tài sản chung của cụ L và cụ T4 được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

[6.2] Theo kết quả thẩm định: Diện tích đất thực tế theo hiện trạng thuộc thủa đất số 404, tờ bản đồ số 29 nêu trên là 359m^2, là phù hợp với diện tích đất được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp cho cụ L và cụ T4, diện tích 359m^2. Như vậy, xác định tài sản chung của cụ L và cụ T4 chưa chia là diện tích đất ở 359m^2, không có tài sản trên đất (hiện trạng thửa đất chưa xây dựng công trình, không trồng cây cối hoa màu gì). Theo khoản 2 Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình, quy định: "Khi có yêu cầu chia di sản thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận về chế độ tài sản. Phần tài sản của vợ chồng chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết được chia theo quy định của pháp luật về thừa kế". Như vậy, xác định phần di sản của cụ T4 trong khối tài sản chung với cụ L là ½ trong tổng giá trị tài sản chung của cụ L và cụ T4, là diện tích đất: 359m^2 x ½ = 179,5m^2.

[6.3] Theo kết quả định giá tài sản ngày 11/01/2024 xác định: Giá đất là 1.500.000đ/m^2. Như vậy, di sản của cụ T4 có tổng giá trị là 1.500.000đ/m^2 x

179,5m^2 = 269.250.000 đồng.

[6.4] Di sản của cụ T4 sẽ được chia cho 10 thừa kế, gồm: Cụ Phạm Hùng L và các ông (bà): Phạm Thị T1, Phạm Công T, Phạm Thị T2, Phạm Văn C, Phạm Văn P, Phạm Thị V1, Phạm Thị L1, Phạm Thị D và Phạm Văn H. Như vậy mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng diện tích đất 17,95m^2. Do bà V1 chết năm 2022, là chết sau cụ T4 (cụ tươi chết năm 2021), nên cụ L (là bố bà V1), ông Trần Văn K (là chồng) và các con bà V1, gồm: Trần Văn T3, Trần Văn C1 và Trần Thị V được hưởng lại kỹ phần thừa kế bà V1 được hưởng từ cụ T4. Như vậy, mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng diện tích đất 17,95m^2, có giá trị là 26.925.000 đồng.

[6.5] Qúa trình giải quyết vụ án, cụ Phạm Hùng L và các ông bà (Phạm Thị T1, Phạm Thị T2, Phạm Văn P, Phạm Thị L1, Phạm Thị D và Phạm Văn H) đều có ý kiến xin được tự nguyện cho lại ông Phạm Văn C được hưởng kỷ phần thừa kế mà mình được hưởng của cụ T4; Đối với kỹ phần thừa kế bà V1 được hưởng, thì những người được hưởng thừa kế của bà V1 là cụ L, ông K, anh T3, anh C2 và chị V đều có ý kiến là cho lại ông Phạm Văn C, xét ý kiến trên là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật, nên được ghi nhận. Như vậy ông Phạm Văn C được hưởng giá trị di sản của 09 người thừa kế (gồm: Cụ Phạm Hùng L, ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thị T2, ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị V1, bà Phạm Thị L1, bà Phạm Thị D và ông Phạm Văn H) là: 9 x 17,95m^2 = 161,55m^2, có giá trị: 161,55m^2 x 1.500.000đ/m^2 = 242.325.000 đồng.

[6.6] Xét tổng diện tích phần đất di sản là 179,5m^2, trong khi ông C được hưởng phần thừa kế của 9 người với diện tích 161,55 m^2. Như vậy, phần diện tích đất của 01 kỹ phần thừa kế còn lại được hưởng chỉ có 17,95m^2, theo quy định thì không đủ hạn mức giao cho người thừa kế khác. Qúa trình giải quyết vụ án, ông C có ý kiến xin được nhận phần đất để lấy nơi sinh hoạt, vì vậy cần thiết phải giao toàn bộ diện tích đất là di sản của cụ T4 179,5m^2 cho ông C được quyền sử dụng là phù hợp. Vị trí như sau: Phía Bắc giáp thửa 380a: 36,09m; Phía Nam giáp phần đất ông L được quyền sử dụng: 36,09m; Phía Đông giáp thửa 404b: 5,015m; Phía Tây giáp đường nhựa: 5,01m.

[6.7] Ông C được giao sử dụng toàn bộ di sản, trong đó có cả phần diện tích đất là kỹ phần thừa kế ông Phạm Công T được hưởng, nên ông C phải thanh toán lại cho ông T chênh lệch về tài sản tương ứng với 01 kỹ phần thừa kế là 26.925.000 đồng.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Ông Phạm Văn C đã tự nguyện nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 3.300.000 đồng và đã chi hết. Tại phiên tòa ông C có ý kiến không yêu cầu các thừa kế khác phải thanh toán lại, nên không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định ông Phạm Công T và ông Phạm Văn C là người được chia di sản thừa kế, nên phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia. Tuy nhiên, xét ông T và ông C đều là người cao tuổi, nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn Ông Phạm Hùng L là người cao tuổi, nên đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Do đó, không phải xem xét hoàn lại tiền an phí.

[9] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 33, 65, 66 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 98, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Phạm Hùng L về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lại Thị T4.

1. Xác định: Diện tích đất 359m^2, tại thửa đất số 404, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa là tài sản chung của cụ Phạm Hùng L và cụ Lại Thị T4.

2. Công nhận ông Phạm Hùng L được quyền sử dụng đối với diện tích đất 179,5m^2 tại thửa đất số 404, tờ bản đồ số 29, địa chỉ Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vị trí như sau:

+ Phía Bắc giáp phần đất giao cho ông C: 36,09m;

+ Phía Nam giáp thửa 404b: 36,09m;

+ Phía Đông giáp thửa 404b: 5,015m;

+ Phía Tây giáp đường nhựa: 5,01m.

3. Công nhận di sản thừa kế của cụ Lại Thị T4 sau khi chết để lại là: Diện tích đất 179,5m^2 tại thửa đất số 404, tờ bản đồ số 29, địa chỉ Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Di sản của cụ Lại Thị T4 có giá trị là 269.250.000 đồng.

4. Phần di sản thừa kế của cụ Lại Thị T4 là diện tích đất 179,5m^2, được chia đều cho 10 thừa kế gồm các ông (bà): Cụ Phạm Hùng L và các ông (bà): Phạm Thị T1, Phạm Công T, Phạm Thị T2, Phạm Văn C, Phạm Văn P, Phạm Thị V1, Phạm Thị L1 và Phạm Thị D, Phạm Văn H. Như vậy mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng diện tích đất 17,95m^2, trị giá: 26.925.000 đồng.

5. Về phân chia di sản thừa kế: Ông Phạm Hùng L (là người đang quản lý thửa đất) có trách nhiệm giao phần đất đang quản lý cho các thừa kế được phân chia di sản của cụ Lại Thị T4, cụ thể như sau:

- Chia cho ông Phạm Văn C được quyền sử dụng diện tích đất 179,5m^2, trị giá 269.250.000 đồng. Vị trí như sau:

+ Phía Bắc giáp thửa 380a: 36,09m;

+ Phía Nam giáp phần đất ông L được quyền sử dụng: 36,09m;

+ Phía Đông giáp thửa 404b: 5,015m;

+ Phía Tây giáp đường nhựa: 5,01m.

- Chia cho ông Phạm Công T được hưởng kỷ phần thừa kế bằng tiền trị giá 26.925.000 đồng.

6. Về thanh toán chênh lệnh giá trị phần thừa kế được hưởng:

Ông Phạm Văn C phải có trách nhiệm phải thanh toán lại cho ông Phạm Công T giá trị một kỹ phần thừa kế với số tiền là 26.925.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

7. Các đương sự có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

8. Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Công T và ông Phạm Văn C.

Ông Phạm Hùng L là người cao tuổi, nên đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Do đó, không phải xem xét hoàn lại tiền an phí.

9. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến